

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

PHẠM THỊ HỒNG DIỆP

**TỘI SỬ DỤNG TRÁI PHÉP TÀI SẢN THEO
LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Luật hình sự và tổ tụng hình sự

Mã số : 60 38 01 04

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: TS. Trịnh Tiến Việt

Phần biện 1:

Phần biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2014.

**Có thể tìm hiểu luận văn
tại Trung tâm thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm tư liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		
<i>Trang phụ bì</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
<i>Danh mục các bảng</i>			
<i>Danh mục các biểu đồ</i>			
MỞ ĐẦU	1		
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI SỬ DỤNG TRÁI PHÉP TÀI SẢN TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	9		
1.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc quy định tội sử dụng trái phép tài sản trong luật hình sự Việt Nam	9		
1.1.1. Khái niệm và những dấu hiệu pháp lý hình sự của các tội xâm phạm sở hữu	9		
1.1.2. Khái niệm tội sử dụng trái phép tài sản trong luật hình sự Việt Nam	17		
1.1.3. Ý nghĩa của việc quy định tội sử dụng trái phép tài sản trong luật hình sự Việt Nam	21		
1.2. Khái quát sự hình thành và phát triển của luật hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999 về tội sử dụng trái phép tài sản	22		
1.2.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến trước khi pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985	22		
1.2.2. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến trước pháp điển hóa lần thứ hai - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999	25		
1.3. Tội sử dụng trái phép tài sản trong bộ luật hình sự một số nước trên thế giới	27		
1.3.1. Bộ luật hình sự Liên bang Nga	28		
1.3.2. Bộ luật hình sự Cộng hòa Liên bang Đức	29		
1.3.3. Bộ luật hình sự Vương quốc Thụy Điển	31		
1.3.4. Bộ luật hình sự Nhật Bản	32		
Chương 2: TỘI SỬ DỤNG TRÁI PHÉP TÀI SẢN TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ	35		
2.1. Tội sử dụng trái phép tài sản trong Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành	35	2.1.1. Các dấu hiệu pháp lý hình sự	35
		2.1.2. Hình phạt và các biện pháp tư pháp	45
		2.2. Phân biệt tội sử dụng trái phép tài sản với một số tội phạm khác có liên quan trong Bộ luật hình sự	56
		2.2.1. Phân biệt tội sử dụng trái phép tài sản với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản	56
		2.2.2. Phân biệt tội sử dụng trái phép tài sản với tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	57
		2.2.3. Phân biệt tội sử dụng trái phép tài sản với tội tham ô tài sản	59
		2.3. Thực tiễn xét xử tội sử dụng trái phép tài sản	60
		2.3.1. Tình hình xét xử tội sử dụng trái phép tài sản	60
		2.3.2. Một số tồn tại, vướng mắc trong lập pháp và thực tiễn xét xử	66
		2.3.3. Các nguyên nhân cơ bản	73
		Chương 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI SỬ DỤNG TRÁI PHÉP TÀI SẢN	76
		3.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội sử dụng trái phép tài sản	76
		3.1.1. Về mặt lý luận	76
		3.1.2. Về mặt thực tiễn	79
		3.1.3. Về mặt lập pháp	81
		3.2. Hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội sử dụng trái phép tài sản	82
		3.2.1. Nhận xét chung	82
		3.2.2. Nội dung hoàn thiện	84
		3.3. Những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội sử dụng trái phép tài sản	88
		3.3.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	88
		3.3.2. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan và người có thẩm quyền trong điều tra, truy tố, xét xử về tội sử dụng trái phép tài sản	90
		3.3.3. Tăng cường công tác quản lý tài sản công, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, sử dụng tài sản sai mục đích	95
		KẾT LUẬN	98
		DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	101

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước từ khi Đảng lãnh đạo nhân dân ta giành được chính quyền thì pháp luật luôn là công cụ sắc bén để bảo vệ thành quả Cách mạng đã đạt được. Trong hệ thống pháp luật nước ta thì pháp luật hình sự có nhiệm vụ đặc biệt quan trọng để bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân, bảo vệ những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa. Trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và công cuộc cải cách tư pháp hiện nay, việc nghiên cứu về lý luận và thực tiễn xét xử các tội danh cụ thể được quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999 là rất cần thiết.

Cùng với các ngành luật khác, pháp luật hình sự bảo vệ quyền sở hữu tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức và Nhà nước thông qua việc quy định những hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm phạm quyền sở hữu bị coi là tội phạm và quy định các mức hình phạt tương ứng. Tội sử dụng trái phép tài sản được quy định tại Điều 142 của Chương XIV - Các tội xâm phạm sở hữu, tội phạm này chỉ xâm phạm quyền sử dụng mà không xâm phạm quyền định đoạt của chủ sở hữu tài sản. Trong năm năm từ 2009-2013, Tòa án nhân dân các cấp trong cả nước chỉ đưa ra xét xử 10 vụ án và 10 bị cáo, nhưng có một số vụ án gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng về kinh tế cũng như tạo dư luận rất xấu trong xã hội, gây bất bình đối với nhân dân, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Nhà nước, làm giảm uy tín và ảnh hưởng xấu đến môi trường đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và tác động tiêu cực đến đời sống hàng ngày người lao động.

Mặc dù các cơ quan tư pháp hình sự trong quá trình áp dụng quy định của các điều luật thuộc Chương XIV - Các tội xâm phạm sở hữu của Bộ luật hình sự năm 1999 nhìn chung là thuận lợi nên kết quả điều tra, truy tố, xét xử từng bước được nâng cao, nhưng công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm vẫn còn nhiều hạn chế trong khi đó diễn biến của tình hình tội phạm nói chung cũng như các tội xâm phạm sở hữu nói riêng hết sức phức tạp. Vì vậy, để làm sáng tỏ các dấu hiệu pháp lý hình sự của tội sử dụng trái phép tài sản, phân tích khái quát lịch

sử hình thành và phát triển của luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến nay và thực tiễn xét xử tội phạm này ở nước ta trong thời gian vừa qua (2009-2013) trên cơ sở đó, tìm giải pháp hoàn thiện trên phương diện lập pháp hình sự và giải pháp về mặt thực tiễn nhằm góp phần phòng, chống tội sử dụng trái phép tài sản có ý nghĩa cả về chính trị, xã hội cũng như lý luận và thực tiễn. Với nhận thức trên, học viên đã quyết định chọn đề tài: "**Tội sử dụng trái phép tài sản theo luật hình sự Việt Nam**" làm luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả nhận thấy các công trình, bài viết nghiên cứu riêng rẽ và độc lập về tội sử dụng trái phép tài sản không nhiều và trong cả việc ban hành văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật hình sự.

* *Dưới góc độ thực tiễn xét xử*, Tòa án nhân dân tối cao và các cơ quan khác đã có văn bản hướng dẫn việc xử lý một số khía cạnh liên quan đến tội phạm này như Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân tối cao, Bộ Công an và Bộ Tư pháp ngày 25/12/2001 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIV "Các tội xâm phạm sở hữu" của Bộ luật hình sự năm 1999.

* *Dưới góc độ khoa học pháp lý hình sự*, việc nghiên cứu tội sử dụng trái phép tài sản chỉ đề cập, bình luận chung trong chương tội phạm của hệ thống giáo trình dành cho hệ đại học của các cơ sở đào tạo luật học như: 1) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, do GS.TSKH Lê Cẩm chủ biên, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001 (tái bản năm 2003 và 2007); 2) GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa, *Chương XX - Các tội xâm phạm sở hữu*, Trong sách: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Tập II)* do GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2010; 3) TS. Trần Minh Hường (chủ biên), TS. Đỗ Đức Hồng Hà, TS. Trịnh Tiến Việt và tập thể tác giả, *Chương XI - Các tội xâm phạm sở hữu*, Trong sách: *Tìm hiểu Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và những văn bản hướng dẫn thi hành*, Nxb Lao động, Hà Nội, 2009...

* *Dưới góc độ đề tài luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ luật học*: tương tự, chỉ có luận án tiến sĩ luật học đề cập chung về nhóm tội xâm phạm sở hữu

với đề tài: "*Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu*" của tác giả Nguyễn Ngọc Chí, Viện Nhà nước và pháp luật, Hà Nội năm 2000.

* *Dưới góc độ bài viết trên các tạp chí khoa học*, cũng chỉ có một số bài viết đơn lẻ, chẳng hạn: 1) *Tội sử dụng trái phép tài sản*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 5/2007 của Th.s Mai Bộ; 2) *Hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự về các tội xâm phạm sở hữu*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 1/2009 của TS. Nguyễn Ngọc Anh; v.v...

Tuy nhiên, tội sử dụng trái phép tài sản chỉ là một phần trong nội dung nghiên cứu của các tác giả trong các sách, báo, giáo trình nên chưa phân tích sâu cả về lý luận cũng như thực tiễn áp dụng, chưa đưa ra các giải pháp có tính hệ thống, toàn diện nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tội phạm này. Như vậy, dưới góc độ một luận văn thạc sĩ luật học, cho đến nay chưa có công trình nào đề cập riêng rẽ đến tội sử dụng trái phép tài sản cũng như nghiên cứu thực tiễn xét xử trong cả nước. Cho nên, việc tác giả lựa chọn đề tài này rõ ràng có tính thời sự và cấp thiết.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn đúng như tên gọi của nó - *Tội sử dụng trái phép tài sản theo luật hình sự Việt Nam*.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về tội sử dụng trái phép tài sản theo luật hình sự Việt Nam dưới góc độ pháp lý hình sự, khái quát lịch sử hình thành và phát triển về tội phạm này từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay. Ngoài ra, luận văn còn phân tích thực tiễn xét xử trong phạm vi cả nước trong năm năm (2009-2013), đồng thời có so sánh với pháp luật hình sự một số nước trên thế giới, qua đó nhằm giải quyết nhiệm vụ và đối tượng nghiên cứu.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn là làm sáng tỏ một cách tương đối có hệ thống về mặt lý luận những nội dung cơ bản về tội sử dụng trái phép tài sản theo

luật hình sự Việt Nam và thực tiễn xét xử trong cả nước, từ đó rút ra những tồn tại, bất cập để đề xuất việc hoàn thiện các quy định về tội phạm này trong Bộ luật hình sự năm 1999, và các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng trong thực tiễn góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội sử dụng trái phép tài sản nói riêng ở nước ta hiện nay.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

* *Về lý luận*: Trên cơ sở nghiên cứu chính sách hình sự của Nhà nước về tội sử dụng trái phép tài sản, phân tích khái niệm, những dấu hiệu pháp lý hình sự, lịch sử hình thành và phát triển của tội phạm này trong luật hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay, cũng như so sánh với pháp luật hình sự một số nước trên thế giới, qua đó làm sáng tỏ bản chất pháp lý và những nội dung cơ bản của tội sử dụng trái phép tài sản.

* *Về thực tiễn*: Nghiên cứu, đánh giá việc áp dụng quy phạm pháp luật hình sự về tội sử dụng trái phép tài sản trong thực tiễn xét xử trên cả nước trong năm năm (2009-2013), đồng thời phân tích những tồn tại xung quanh việc áp dụng pháp luật và trong lập pháp hình sự, từ đó đề xuất những kiến nghị hoàn thiện Bộ luật hình sự năm 1999 và những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng.

5. Cơ sở phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở phương pháp luận

Cơ sở lý luận của luận văn là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về đấu tranh phòng và chống tội phạm, cũng như thành tựu của các chuyên ngành khoa học pháp lý như: lịch sử pháp luật, lý luận về Nhà nước và pháp luật, luật hình sự, tội phạm học, luật tố tụng hình sự và triết học cũng như những luận điểm khoa học trong các công trình nghiên cứu, sách chuyên khảo và các bài viết đăng trên tạp chí của một số nhà khoa học luật hình sự Việt Nam và nước ngoài.

5.2. Các phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu của khoa học luật hình sự như: lịch sử, so sánh, phân tích, tổng hợp, phương pháp xã hội học như thống kê, định lượng, định tính... để phân tích, tổng hợp các tri thức khoa

học luật hình sự và luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu trong luận văn.

6. Những đóng góp mới của luận văn

6.1. Về mặt lý luận

Luận văn nghiên cứu, giải quyết một cách tương đối có hệ thống và đầy đủ về những vấn đề lý luận và thực tiễn của tội sử dụng trái phép tài sản theo luật hình sự Việt Nam và đánh giá thực tiễn xét xử trong thời gian năm năm (2009-2013) trên phạm vi cả nước, đồng thời so sánh với pháp luật hình sự một số nước trên thế giới, từ đó đưa ra kiến nghị hoàn thiện tội phạm này trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 và những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng.

Do đó, luận văn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo lý luận cần thiết cho các nhà khoa học, luật gia, cán bộ thực tiễn và các sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành tư pháp hình sự, cũng như góp phần phục vụ công tác lập pháp và hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm, cũng như công tác giáo dục, cải tạo người phạm tội ở nước ta hiện nay.

6.2. Về mặt thực tiễn

Thông qua việc phân tích các dấu hiệu pháp lý hình sự, luận văn góp phần vào việc xác định đúng đắn những điều kiện cụ thể của các trường hợp phạm tội cụ thể trong thực tiễn xét xử, đồng thời đưa ra những kiến nghị hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 về tội sử dụng trái phép tài sản ở khía cạnh lập pháp, cũng như việc áp dụng thống nhất trong thực tiễn xét xử trên cả nước, qua đó nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội sử dụng trái phép tài sản nói riêng ở nước ta hiện nay.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về tội sử dụng trái phép tài sản trong luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Tội sử dụng trái phép tài sản trong Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành và thực tiễn xét xử.

Chương 3: Hoàn thiện pháp luật và những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội sử dụng trái phép tài sản.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI SỬ DỤNG TRÁI PHÉP TÀI SẢN TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc quy định tội sử dụng trái phép tài sản trong luật hình sự Việt Nam

1.1.1. Khái niệm và những dấu hiệu pháp lý hình sự của các tội xâm phạm sở hữu

Từ các quy định của Hiến pháp, Bộ luật hình sự, dưới góc độ khoa học luật hình sự, theo chúng tôi khái niệm đang nghiên cứu có thể định nghĩa như sau: *Các tội xâm phạm sở hữu là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định tại Chương XIV Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm chế độ sở hữu tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức và cá nhân.*

Các tội xâm phạm sở hữu mang đầy đủ bốn dấu hiệu pháp lý hình sự, bao gồm: khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm và mặt chủ quan của tội phạm.

*** Khách thể của các tội xâm phạm sở hữu**

Khách thể của các tội xâm phạm sở hữu là quan hệ sở hữu được Bộ luật hình sự bảo vệ gồm ba phân quyền: quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt tài sản.

*** Mặt khách quan của các tội xâm phạm sở hữu**

Hành vi nguy hiểm cho xã hội là hành vi xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản như hành vi cướp tài sản, bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, cưỡng đoạt tài sản, cướp giật tài sản, công nhiên chiếm đoạt tài sản, trộm cắp tài

sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, chiếm giữ trái phép tài sản, sử dụng trái phép tài sản, hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước, vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản. Đây là những hành vi được quy định trong Chương XIV - Các tội xâm phạm sở hữu của Bộ luật hình sự năm 1999.

** Chủ thể của các tội xâm phạm sở hữu*

Chủ thể của tội phạm là người có lỗi (cố ý hoặc vô ý) trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm, có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo luật định.

** Mặt chủ quan của các tội xâm phạm sở hữu*

Mặt chủ quan của tội phạm là mặt bên trong của sự xâm hại nguy hiểm đáng kể cho xã hội đến khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ; lỗi là thái độ tâm lý của chủ thể được thể hiện dưới hình thức cố ý hoặc vô ý đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội do mình thực hiện và đối với hậu quả của hành vi đó, gồm các yếu tố: lỗi, động cơ, mục đích.

** Hình phạt áp dụng với các tội xâm phạm sở hữu*

Các hình phạt chính được áp dụng: hình phạt cảnh cáo, hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ, hình phạt tù có thời hạn, hình phạt tù chung thân, hình phạt tử hình.

Hình phạt bổ sung có 11 điều luật áp dụng hình phạt bổ sung với người phạm tội, còn lại 2 điều không quy định áp dụng hình phạt bổ sung.

Từ những phân tích về cấu thành tội phạm của các tội xâm phạm sở hữu và dựa trên phương pháp nghiên cứu học thuật chúng ta có thể chia các tội xâm phạm sở hữu thành hai nhóm:

- Các tội xâm phạm sở hữu có mục đích tư lợi (tức là nhằm thu về những lợi ích cho cá nhân hay nhóm cá nhân) gồm 10 tội đầu. Và có thể chia nhỏ thành hai nhóm: nhóm có tính chất chiếm đoạt, gồm có các tội quy định tại Điều 133, Điều 134, Điều 135, Điều 136, Điều 137, Điều 138, Điều 139, Điều 140; nhóm các tội không có tính chất chiếm đoạt gồm có hai tội quy định tại Điều 141 và Điều 142 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Các tội xâm phạm sở hữu không có mục đích tư lợi gồm ba điều còn lại thuộc Chương XIV là các điều 143, 144, 145 của Bộ luật hình sự năm 1999.

1.1.2. Khái niệm tội sử dụng trái phép tài sản trong luật hình sự Việt Nam

Có tác giả cho rằng: "*Sử dụng trái phép tài sản là hành vi của một người vì vụ lợi đã khai thác một cách trái phép giá trị sử dụng của tài sản do đang chiếm giữ*", quan điểm này khá chung chung và chưa nêu cụ thể hành vi phạm tội và dấu hiệu chủ thể của tội phạm.

Quan điểm khác quan niệm: "*Tội sử dụng trái phép tài sản là hành vi vì vụ lợi mà sử dụng trái phép tài sản của người khác*". Quan điểm này mới chỉ nêu định nghĩa hành vi, chưa làm rõ khái niệm tội phạm này.

Tác giả khác quan niệm: "*Sử dụng trái phép tài sản là hành vi của một người vì vụ lợi đã khai thác trái phép giá trị sử dụng của tài sản do mình đang chiếm giữ (không có quyền sử dụng)*", quan điểm này chưa nêu lên được dấu hiệu lỗi, dấu hiệu độ tuổi và năng lực trách nhiệm hình sự của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội.

Có quan điểm khác lại cho rằng: "*Tội sử dụng trái phép tài sản là việc người nào vì vụ lợi mà khai thác một cách bất hợp pháp giá trị sử dụng tài sản của người khác đến mức độ pháp luật coi là tội phạm*". Mặc dù, quan điểm này là tương đối đầy đủ các dấu hiệu của tội phạm nhưng theo chúng tôi quan điểm này còn thiếu dấu hiệu lỗi và dấu hiệu chủ thể của tội phạm.

Bên cạnh đó, có quan điểm cụ thể hóa hơn biểu hiện của hành vi phạm tội sử dụng trái phép tài sản song vẫn còn thiếu dấu hiệu năng lực trách nhiệm hình sự của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, theo đó: "*Tội sử dụng trái phép tài sản là hành vi cố ý trực tiếp sử dụng trái phép tài sản của người khác có giá trị từ năm mươi triệu đồng trở lên gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, do người đạt độ tuổi luật hình sự quy định thực hiện vì vụ lợi*".

V.V...

Tóm lại, dưới góc độ khoa học luật hình sự, khái niệm tội sử dụng trái phép tài sản cần thể hiện được đầy đủ cả ba bình diện tương ứng với năm

đặc điểm (dấu hiệu) cơ bản của khái niệm tội phạm. Do đó, khái niệm tội phạm này được định nghĩa như sau: *Tội sử dụng trái phép tài sản là việc người nào vì vụ lợi mà cố ý khai thác một cách bất hợp pháp giá trị sử dụng tài sản của người khác đến mức độ pháp luật coi là tội phạm do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện.*

1.1.3. Ý nghĩa của việc quy định tội sử dụng trái phép tài sản trong luật hình sự Việt Nam

Thứ nhất, việc pháp điển hóa thành một điều luật riêng biệt hành vi sử dụng trái phép tài sản không phân biệt hình thức sở hữu vừa góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa vừa góp phần bảo vệ tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức và tài sản của nhân dân. *Thứ hai*, tạo cơ sở pháp lý vững chắc trong việc áp dụng thống nhất pháp luật của các cơ quan tư pháp hình sự cũng như cuộc đấu tranh phòng, chống tội sử dụng trái phép tài sản. *Thứ ba*, có ý nghĩa giáo dục người dân nâng cao ý thức cảnh giác với hành vi sử dụng trái phép tài sản của người khác. *Thứ tư*, góp phần thực hiện chủ trương hội nhập khu vực và thế giới của Đảng và Nhà nước ta, cũng như phù hợp với các luật lệ và điều ước quốc tế mà nước ta tham gia.

1.2. Khái quát sự hình thành và phát triển của luật hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999 về tội sử dụng trái phép tài sản

1.2.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước khi pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công đã đập tan chế độ thực dân phong kiến và các thiết chế pháp luật của nó, đồng thời thiết lập nên Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Ngày 21/10/1970 Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa và Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng công dân. Tuy nhiên, cả hai Pháp lệnh này đều không quy định hành vi sử dụng trái phép tài sản của công dân là tội phạm và bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Về hình phạt: trong giai đoạn này chú trọng bảo vệ tài sản chung (tài sản xã hội chủ nghĩa) hơn tài sản của tư nhân.

1.2.2. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến trước pháp điển hóa lần thứ hai - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999

Ngày 27/6/1985, Quốc hội đã thông qua Bộ luật hình sự đầu tiên của nước Việt Nam thống nhất, trong đó tội sử dụng trái phép tài sản xã hội chủ nghĩa được quy định tại Điều 137 Chương IV: Các tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa của Bộ luật hình sự năm 1985. Ngày 10/05/1997, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật hình sự năm 1985, trong đó bổ sung thêm: Điều 137a: Tội lợi dụng chức vụ quyền hạn sử dụng trái phép tài sản xã hội chủ nghĩa.

1.3. Tội sử dụng trái phép tài sản trong bộ luật hình sự một số nước trên thế giới

1.3.1. Bộ luật hình sự Liên bang Nga

Trong luật hình sự Liên bang Nga, hành vi sử dụng trái phép tài sản của người khác có tên gọi là tội gây thiệt hại về tài sản bằng thủ đoạn gian dối hoặc lợi dụng lòng tin trong Bộ luật hình sự Liên bang Nga năm 1996, sửa đổi năm 2010 quy định tại Điều 165 thuộc Chương 21 - Các tội xâm phạm chế độ sở hữu, nằm trong Mục VIII Các tội phạm trong lĩnh vực kinh tế.

1.3.2. Bộ luật hình sự Cộng hòa Liên bang Đức

Bộ luật hình sự của Cộng hòa Liên bang Đức quy định thành hai tội phạm riêng biệt tùy theo khách thể của tội phạm. Đối với tài sản là phương tiện giao thông bị sử dụng trái phép thì bị áp dụng các quy định của Điều 248b nằm trong Chương thứ mười chín - Trộm cắp và lấy trái phép, còn đối với các tài sản khác bị sử dụng trái phép lại bị áp dụng theo Điều 266: Tội bội tín thuộc Chương thứ hai mươi hai - Lừa đảo và bội tín.

1.3.3. Bộ luật hình sự Vương quốc Thụy Điển

Đối với tài sản là phương tiện giao thông cơ giới thì Bộ luật hình sự Thụy Điển cũng tương tự như Bộ luật hình sự Cộng hòa Liên bang Đức, quy định thành tội phạm riêng trong Điều 7 thuộc Chương 8 - Tội trộm cắp, cướp và các tội chiếm đoạt tài sản khác.

1.3.4. Bộ luật hình sự Nhật Bản

Bộ luật hình sự của Nhật Bản năm 1907, sửa đổi năm 2011 quy định những hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản tại Điều 247 thuộc Chương 37 - Tội lừa đảo và hãm dọa.

Chương 2

TỘI SỬ DỤNG TRÁI PHÉP TÀI SẢN TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ

2.1. Tội sử dụng trái phép tài sản trong bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành

2.1.1. Các dấu hiệu pháp lý hình sự

* Khách thể của tội phạm

Khách thể của tội sử dụng trái phép tài sản là người phạm tội chỉ xâm phạm đến phân quyền sử dụng tài sản, mà muốn sử dụng thì tiền đề là phải chiếm hữu tài sản đó nhưng không xâm phạm đến quyền định đoạt tài sản. Đối tượng tác động của tội sử dụng trái phép tài sản là những tài sản mà việc sử dụng không làm mất đi và có thể đem lại cho người sử dụng những lợi ích vật chất nhất định, tiền cũng có thể là đối tượng tác động của tội phạm này.

* Mặt khách quan của tội phạm

Mặt khách quan của tội sử dụng trái phép tài sản là hành vi vì vụ lợi mà sử dụng trái phép tài sản của người khác. Bị coi là sử dụng trái phép tài sản của người khác khi hành vi khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản của người khác trái với ý muốn của chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp tài sản đó.

* Chủ thể của tội phạm

Chủ thể của tội sử dụng trái phép tài sản là chủ thể thường, tức là bất kỳ ai thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

* Mặt chủ quan của tội phạm

Tội sử dụng trái phép tài sản quy định lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý. Qua việc sử dụng trái phép tài sản người phạm tội nhằm thu về lợi ích vật chất cho cá nhân hoặc nhóm cá nhân, đây chính là động cơ tư lợi của người phạm tội.

2.1.2. Hình phạt và các biện pháp tư pháp

* Hình phạt

Hình phạt chính

+ *Hình phạt tiền*, khoản 1 Điều 142 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định hình phạt tiền khi áp dụng là hình phạt chính có mức phạt từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng.

+ *Hình phạt cải tạo không giam giữ*, tội sử dụng trái phép tài sản quy định mức phạt cải tạo không giam giữ có mức tối đa đến hai năm.

+ *Hình phạt tù có thời hạn*, áp dụng đối với người phạm tội sử dụng trái phép tài sản có mức tối thiểu là ba tháng, mức tối đa là bảy năm.

* Khoản 1 Điều 142 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định mức phạt tù có thời hạn từ sáu tháng đến hai năm.

* Các tình tiết định khung tăng nặng quy định tại khoản 2 Điều 142 Bộ luật hình sự năm 1999, áp dụng khung hình phạt tù có thời hạn từ hai năm đến năm năm trong các trường hợp sau đây:

- Phạm tội nhiều lần.
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn.
- Gây hậu quả rất nghiêm trọng.
- Tái phạm nguy hiểm

* Các tình tiết định khung tăng nặng quy định tại khoản 3 Điều 142 Bộ luật hình sự năm 1999, áp dụng khung hình phạt tù có thời hạn từ ba năm đến bảy năm, khi phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Hình phạt bổ sung

+ *Hình phạt tiền*, Khoản 4 Điều 142 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định khi áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung có mức phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 20 triệu đồng.

+ *Hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định*, Khoản 4 Điều luật quy định khi áp dụng hình phạt này có thời hạn bị cấm từ 1 năm đến 5 năm.

*** Các biện pháp tư pháp**

- Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại
- Biện pháp bắt buộc chữa bệnh:
- Biện pháp tịch thu tiền, vật trực tiếp liên quan đến tội phạm

2.2. Phân biệt tội sử dụng trái phép tài sản với một số tội phạm khác có liên quan trong Bộ luật hình sự

2.2.1. Phân biệt tội sử dụng trái phép tài sản với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Điểm giống nhau giữa tội sử dụng trái phép tài sản với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là cùng xâm phạm đến quan hệ sở hữu tài sản, nhưng có sự khác nhau: khách thể của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản xâm phạm quyền sở hữu tức là cả ba phân quyền: quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt của chủ sở hữu tài sản. Về hành vi của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là hành vi chiếm hữu trái phép tài sản của người khác để tạo cho mình khả năng định đoạt tài sản một cách gian dối. Về hình phạt của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Điều 139 quy định bốn khung hình phạt, xét một cách tổng thể thì hình phạt của Điều 139 nặng hơn hình phạt của Điều 142.

2.2.2. Phân biệt tội sử dụng trái phép tài sản với tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

Khách thể của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản cũng giống với tội sử dụng trái phép tài sản là quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, tổ chức, cá nhân. Mặt khách quan của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản có hai nhóm hành vi: bằng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản của người khác đã giao cho mình trên cơ sở hợp đồng vay, mượn, thuê tài sản; sử dụng tài sản của người khác đã giao cho mình trên cơ sở hợp đồng vay, mượn, thuê vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Chủ thể của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản đòi hỏi phải là người được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp tài sản giao cho khối

lượng tài sản nhất định trên cơ sở hợp đồng, việc giao nhận tài sản là hoàn toàn ngay thẳng. Hình phạt: Điều 140 quy định bốn khung hình phạt, mức hình phạt cao nhất là tù chung thân, nhìn chung mức hình phạt cao hơn rất nhiều quy định của tội sử dụng trái phép tài sản.

2.2.3. Phân biệt tội sử dụng trái phép tài sản với tội tham ô tài sản

Khách thể của tội phạm là quan hệ sở hữu tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức được nhà nước cấp kinh phí để bảo đảm hoạt động cũng như hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức nêu trên. Mặt khách quan của tội phạm là hành vi chiếm đoạt tài sản mà mình đang có trách nhiệm quản lý bằng thủ đoạn lợi dụng chức vụ, quyền hạn. Chủ thể của tội phạm: Điều 278 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định chủ thể của tội phạm này là chủ thể đặc biệt phải là người có chức vụ, quyền hạn quản lý tài sản...

2.3. Thực tiễn xét xử tội sử dụng trái phép tài sản

2.3.1. Tình hình xét xử tội sử dụng trái phép tài sản

Trong quá trình nghiên cứu tội sử dụng trái phép tài sản nhỏ chỉ có 10 vụ và 10 bị cáo, chiếm tỷ lệ rất nhỏ 0,003% tổng án xét xử trong cả nước qua năm năm từ 2009-2013; năm 2009 Tòa án nhân dân các cấp chỉ xét xử 04 vụ và 04 bị cáo, các năm sau 2011 giảm xuống còn 03 vụ và 03 bị cáo, năm 2013 giảm còn 02 vụ và 02 bị cáo, năm 2012 là 01 vụ và 01 bị cáo, đặc biệt năm 2010 cả nước không xét xử vụ nào về tội sử dụng trái phép tài sản.

Về hình phạt chính: có 02 bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, chủ yếu các bị cáo bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn là 05 bị cáo, số còn lại là 03 bị cáo bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính.

Về các hình phạt bổ sung: hình phạt tiền có 04 bị cáo bị áp dụng, hình phạt cấm hành nghề, công việc nhất định có 03 bị cáo bị áp dụng, còn lại là các bị cáo không bị áp dụng hình phạt bổ sung.

2.3.2. Một số tồn tại, vướng mắc trong lập pháp và thực tiễn xét xử

Thứ nhất, chưa có văn bản hướng dẫn thống nhất trong các dấu hiệu "gây hậu quả nghiêm trọng", "gây hậu quả rất nghiêm trọng", "gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng". *Thứ hai*, cần quy định rõ dấu hiệu lỗi trong tội sử dụng trái phép tài sản là lỗi cố ý. *Thứ ba*, vấn đề định tội danh đối với các

trường hợp thực tế khi áp dụng Điều 142 tội sử dụng trái phép tài sản. *Thứ tư*, mức định lượng giá trị tài sản bị sử dụng trái phép còn cao. *Thứ năm*, do vấn đề định giá tài sản bị sử dụng trái phép. *Thứ sáu*, do hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định quy định còn chung chung không phát huy hiệu quả phòng ngừa tội phạm của hình phạt này trong thực tế.

2.3.3. Các nguyên nhân cơ bản

Thứ nhất, các dấu hiệu "gây hậu quả nghiêm trọng", "gây hậu quả rất nghiêm trọng", "gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng" nhưng việc hướng dẫn và giải thích trong tổng thể các tội phạm nói chung là chưa thống nhất. *Thứ hai*, chất lượng công tác tư pháp hình sự trong đó có tội sử dụng trái phép tài sản chưa ngang tầm với yêu cầu và đòi hỏi của nhân dân. *Thứ ba*, thực tiễn xét xử trong thời gian qua đã bộc lộ những thiếu sót nhất định. *Thứ tư*, một số vụ án, Tòa án áp dụng không đúng những điều khoản của Bộ luật hình sự, hình phạt được áp dụng với người phạm tội quá nặng hoặc quá nhẹ.

Chương 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI SỬ DỤNG TRÁI PHÉP TÀI SẢN

3.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội sử dụng trái phép tài sản

3.1.1. Về mặt lý luận

Thực hiện theo Nghị quyết số 49-NQ/TW "Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020" ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị. Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị "Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới"; Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị "Về hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2020".

3.1.2. Về mặt thực tiễn

Đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm thì Chính phủ đã ra Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP về tăng cường công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 138/CP để chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm trong thời gian tới. Ngày 06/9/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1217/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2012-2015. Nên việc tiếp tục hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự trong đó có tội sử dụng trái phép tài sản để cụ thể hóa chính sách hình sự và các chủ trương, đường lối của Đảng và Chính phủ đề ra.

3.1.3. Về mặt lập pháp

Dựa trên Nghị quyết số 07/2011/QH13 ngày 06/8/2011 của Quốc hội khóa XIII về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2012 và điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2011. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 433/NQ-UBTVQH13 ngày 30/12/2011 về việc thành lập Ban soạn thảo Bộ luật hình sự sửa đổi. Ngày 10/9/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1236/QĐ-TTg về việc "Phê duyệt kế hoạch tổng kết thi hành Bộ luật hình sự năm 1999".

3.2. Hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội sử dụng trái phép tài sản

3.2.1. Nhận xét chung

3.2.2. Nội dung hoàn thiện

Thứ nhất, hiện nay Bộ luật hình sự năm 1999 chưa quy định dấu hiệu lỗi trong điều luật, trong thời gian tới khi sửa đổi, bổ sung cần quy định cụ thể trong điều luật.

Thứ hai, qua nghiên cứu thực tiễn xét xử cho thấy, trong những năm trở lại đây Tòa án cả nước xét xử về tội sử dụng trái phép tài sản rất ít thể hiện hiệu quả áp dụng trên thực tiễn của điều luật không cao nên cần sửa đổi theo hướng giảm mức định lượng này. Từ sự phân tích như trên, chúng tôi xin đề xuất mô hình khoa học sửa đổi, bổ sung Điều 142 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định tội sử dụng trái phép tài sản như sau:

Điều.....: Tội sử dụng trái phép tài sản

1. Người nào vì vụ lợi mà cố ý sử dụng trái phép tài sản của người khác có giá trị từ **ba mươi triệu đồng** trở lên gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến năm năm:

- a) Phạm tội nhiều lần;
- b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- c) Gây hậu quả rất nghiêm trọng;
- d) Tái phạm nguy hiểm;

3. Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ ba năm đến bảy năm.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

Ngoài ra, để áp dụng thống nhất các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, chúng tôi xin đề xuất cơ quan có thẩm quyền sớm có văn bản hướng dẫn thi hành áp dụng Điều 142 Bộ luật hình sự năm 1999 như sau:

Thứ nhất, các cơ quan có thẩm quyền cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung nội dung quy định tại điểm a3, tiết a, tiêu mục 3.4 Phần I Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, cơ quan có thẩm quyền nên quy định lại là: "**Gây tổn hại cho sức khỏe của ba đến bốn người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 31% đến 60% và tổng tỷ lệ thương tật của tất cả những người này không vượt quá 200%**".

Thứ hai, cũng tương tự như hướng dẫn trên, cơ quan có thẩm quyền nên có hướng dẫn theo hướng sau: "**Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức**

khỏe của năm đến bảy người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 31% đến 60% và tổng tỷ lệ thương tật của tất cả những người này không vượt quá 201%".

Thứ ba, hướng dẫn tại mục 1 Phần II của Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 việc xác định thiệt hại do hành vi sử dụng trái phép tài sản gây ra sẽ có những khó khăn nhất định. Vì vậy, cơ quan có thẩm quyền nên có hướng dẫn như sau: "**Nếu tài sản bị sử dụng trái phép trong thời gian dài thì thiệt hại gây ra được xác định căn cứ vào giá thị trường của tài sản đó vào thời điểm người có hành vi phạm tội bị phát hiện và bị truy cứu trách nhiệm hình sự**".

3.3. Những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội sử dụng trái phép tài sản

3.3.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

Ngày 20/6/2012 Quốc hội đã thông qua Luật phổ biến, giáo dục pháp luật có hiệu lực thi hành từ 01/01/2013. Cần có sự tham gia vào cuộc của nhiều cấp, nhiều ngành như: văn hóa, công an, tư pháp, giáo dục đào tạo... Thông qua các cuộc phổ biến pháp luật trực tiếp như: tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật, cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật để quần chúng nhân dân vừa có ý thức bảo vệ tài sản đấu tranh với các tội xâm phạm sở hữu và tội sử dụng trái phép tài sản.

3.3.2. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan và người có thẩm quyền trong điều tra, truy tố, xét xử về tội sử dụng trái phép tài sản

Cơ quan điều tra

Thứ nhất, không ngừng nâng cao trách nhiệm xử lý tin báo, tố giác tội phạm của nhân dân. *Thứ hai*, không ngừng trau dồi kiến thức, nâng cao năng lực chuyên môn, tận tụy trong công việc của các cán bộ điều tra. *Thứ ba*, các hoạt động chuyên đề tổ chức hội nghị, hội thảo, tổng kết, rút kinh nghiệm trong ngành.

Viện kiểm sát nhân dân

Thứ nhất, phát hiện kịp thời những điểm bất cập của pháp luật hình sự trong đó có các quy định về tội sử dụng trái phép tài sản, chủ động có

những kiến nghị tham mưu cho Đảng, Nhà nước sửa đổi, bổ sung kịp thời những văn bản quy phạm pháp luật còn bất cập, hạn chế. *Thứ hai*, không ngừng nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra các vụ án về tội sử dụng trái phép tài sản. *Thứ ba*, Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa đòi hỏi vị đại diện Viện kiểm sát vừa thực hiện chức năng công tố, vừa kiểm sát đúng thủ tục tố tụng trong hoạt động xét xử. *Thứ tư*, Viện kiểm sát cần tăng cường công tác kiểm sát thi hành án với người phạm tội sử dụng trái phép tài sản phải được thi hành nghiêm chỉnh. *Thứ năm*, thường xuyên phối hợp với Cơ quan điều tra, Tòa án tổ chức các hội nghị chuyên đề.

Tòa án nhân dân

Thứ nhất, ngành Tòa án tiếp tục tăng cường hoạt động xét xử, tránh tình trạng để án tồn đọng kéo dài. *Thứ hai*, trong quá trình xét xử các vụ án về tội sử dụng trái phép tài sản, Tòa án các cấp đảm bảo sự công minh của pháp luật. *Thứ ba*, Tòa án phối hợp chặt chẽ với Cơ quan công an, Viện kiểm sát thực hiện tốt công tác thi hành án. *Thứ tư*, ngành Tòa án cần tổ chức hội nghị chuyên đề hướng dẫn công tác xét xử tội sử dụng trái phép tài sản.

3.3.3. Tăng cường công tác quản lý tài sản công, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, sử dụng tài sản sai mục đích

Nghị quyết số 14/NQ-TW ngày 15/5/1996 về quan điểm chỉ đạo và một số giải pháp để đấu tranh chống tham nhũng của Bộ Chính trị khóa VII và Kết luận hội nghị Trung ương 5 khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Luật phòng, chống tham nhũng được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng chống tham nhũng ngày 23/11/2012. Tài sản Nhà nước cần được quản lý, sử dụng nghiêm minh tránh mọi hành vi lãng phí của cải chung của xã hội nên Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005 tạo cơ sở pháp lý vững chắc trong quản lý tài sản này.

KẾT LUẬN

Tóm lại, qua nghiên cứu đề tài luận văn thạc sỹ luật học: "**Tội sử dụng trái phép tài sản theo luật hình sự Việt Nam**" cho phép chúng tôi đưa ra một số kết luận chung sau đây:

1. Tội sử dụng trái phép tài sản vì mục đích tư lợi mà người phạm tội thực hiện hành vi sử dụng trái phép tài sản của người khác, cơ quan, tổ chức hay tài sản thuộc sở hữu của Nhà nước. Hành vi sử dụng trái phép tài sản là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm phân quyền sử dụng tài sản của chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp tài sản cũng như xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức.

Nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của tội sử dụng trái phép tài sản trong pháp luật hình sự nước ta cho thấy, lần đầu tiên tội sử dụng trái phép tài sản xã hội chủ nghĩa được ghi nhận trong Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa năm 1970, khi pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật hình sự năm 1985, tội sử dụng trái phép tài sản xã hội chủ nghĩa tiếp tục được nâng lên quy định thành một điều luật cụ thể trong Bộ luật hình sự đầu tiên của nước Việt Nam thống nhất. Việc ghi nhận chính thức tội sử dụng trái phép tài sản trong pháp luật hình sự có ý nghĩa to lớn đánh dấu sự trưởng thành về mặt kỹ thuật lập pháp nước ta.

Pháp luật hình sự một số nước trên thế giới quy định về tội sử dụng trái phép tài sản khác nhau nhưng các quốc gia đó đều không quy định định lượng giá trị tài sản bị sử dụng trái phép như luật hình sự nước ta nhưng về cơ bản đều là việc sử dụng tài sản trái với ý muốn của chủ sở hữu, có nước lại tách hành vi sử dụng trái phép phương tiện giao thông cơ giới thành một tội phạm độc lập với các tài sản khác. Mặc dù cách thức quy định khác nhau trong pháp luật hình sự một số nước nhưng đều có điểm tương đồng là tội sử dụng trái phép tài sản đều bị xem là loại tội phạm nguy hiểm cần phải trừng phạt nghiêm khắc.

2. Tội sử dụng trái phép tài sản được quy định tại Điều 142 Bộ luật hình sự năm 1999, là một trong mười ba điều thuộc chương XIV - Các tội xâm

phạm sở hữu, nên có đầy đủ các dấu hiệu cấu thành tội phạm chung của nhóm tội này. Ngoài các yếu tố chung trong cấu thành tội phạm của nhóm tội xâm phạm sở hữu thì tội sử dụng trái phép tài sản có những điểm đặc thù, khách thể của tội sử dụng trái phép tài sản là quan hệ sở hữu nhưng chỉ xâm phạm phân quyền sử dụng của sở hữu chủ, sau khi khai thác tài sản thu lợi bất chính thì người phạm tội sẽ trả lại tài sản mà không có ý định chiếm đoạt tài sản này.

Trong tổng số án Tòa án nhân dân các cấp xét xử từ năm 2009-2013, lượng án xâm phạm sở hữu chiếm tỷ trọng lớn, chủ yếu tập trung vào một số tội như: tội trộm cắp tài sản, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội cướp tài sản, tội cướp giật tài sản..., còn tội sử dụng trái phép tài sản quy định tại Điều 142 Bộ luật hình sự năm 1999 lại chiếm một tỷ trọng rất nhỏ. Tội sử dụng trái phép tài sản có xu hướng tăng vào năm 2009, 2011, sau đó năm 2010 cả nước không xét xử vụ án nào về tội này.

3. Công tác xét xử các vụ án về nhóm tội xâm phạm sở hữu và tội sử dụng trái phép tài sản trong thời gian qua có nhiều tiến bộ tích cực, nhưng bên cạnh đó thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội sử dụng trái phép tài sản đặt ra một số vướng mắc đòi hỏi khoa học luật hình sự nghiên cứu giải quyết. Đồng thời, một số vướng mắc này còn gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng dẫn đến sự thiếu thống nhất trong việc áp dụng pháp luật của các cơ quan đó. Cho nên, việc tiếp tục nâng cao hiệu quả áp dụng những quy định của pháp luật hình sự về tội sử dụng trái phép tài sản là vấn đề đặt ra cần được sự quan tâm giải quyết của nhà lập pháp.

4. Quán triệt các quan điểm chỉ đạo của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về cải cách tư pháp và đấu tranh phòng, chống tội phạm cho thấy cần thiết phải hoàn thiện các quy định của pháp luật về tội sử dụng trái phép tài sản trên các phương diện lý luận, thực tiễn và lập pháp. Chúng tôi cho rằng, những vấn đề nghiên cứu ở đây là rất cấp thiết và nội dung đã đi vào những vấn đề cụ thể còn vướng mắc để tìm ra các giải pháp hợp lý. Do đó, chúng tôi đã xây dựng mô hình khoa học của tội phạm này với việc sửa đổi, bổ sung Điều 142 Bộ luật hình sự năm 1999 và Thông tư liên tịch số

02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp. Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về tội sử dụng trái phép tài sản tác giả cũng đề xuất một số giải pháp sau: 1) Giải pháp tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho nhân dân, vừa nâng cao ý thức tuân thủ và chấp hành pháp luật của người dân đồng thời công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm cần có sự tham gia của toàn dân. 2) Nâng cao hiệu quả hoạt động áp dụng những quy định của pháp luật hình sự về tội sử dụng trái phép tài sản của các cơ quan tiến hành tố tụng, nâng cao hoạt động điều tra các vụ án sử dụng trái phép tài sản, nâng cao hoạt động công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân các cấp, cũng như nâng cao hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân. 3) Giải pháp tăng cường công tác quản lý tài sản công, phòng chống tham nhũng, lãng phí, sử dụng tài sản sai mục đích. Như vậy, các giải pháp này có ý nghĩa rất quan trọng trên cả phương diện xã hội, pháp lý hình sự và cả trên phương diện tội phạm học để nhằm mục đích đấu tranh và phòng ngừa có hiệu quả với hành vi sử dụng trái phép tài sản, từ đó bảo đảm bảo xử lý nghiêm minh, kịp thời và đúng mọi hành vi phạm tội và người phạm tội, không bỏ lọt tội phạm và tránh làm oan người vô tội.

Qua nghiên cứu về lý luận và thực tiễn áp dụng tội sử dụng trái phép tài sản quy định tại Điều 142 Bộ luật hình sự năm 1999, trong phạm vi nghiên cứu của luận văn và nội dung đề tài còn nhiều vấn đề phức tạp, với khả năng còn hạn chế nhưng tác giả mong muốn được đóng góp kiến thức vào hệ thống lý luận chung của luật hình sự về tội phạm này cũng như nhóm tội xâm phạm sở hữu. Từ đó, tác giả mong muốn góp phần nhỏ nhằm nâng cao hiệu quả trong thực tiễn xử lý tội sử dụng trái phép tài sản nói riêng và nhóm tội xâm phạm sở hữu nói chung, góp phần vào thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà cũng như nhiệm vụ cải cách tư pháp hiện nay.